TRƯỜNG ĐẠI HỌC KTCN
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THỰC TẬP NĂM HỌC 2015 - 2016

Môn học: W304 - Thực tập cơ sở

STT	Mã nhóm	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa
1	304N450	K125520216212	Hoàng Đăng	Vượng	18/05/93	K48TĐH.02	KD
2	304N450	K125520216107	Phạm Công	Đức	8/10/1994	K48TĐH.01	KD
3	304N450	K135520207089	Nguyễn Thu	Thảo	8/7/1995	K49ĐTT.02	DT
4	304N450	K135520201098	Dương Văn	Linh	22/09/95	K49ĐĐT.02	KD
5	304N450	DTK1051020195	Nguyễn Văn	Huân	2/1/1992	K47KTĐ.01	KD
6	304N450	K135520201227	Nguyễn Đình	Kiên	28/09/95	K49ĐĐT.04	KD
7	304N450	K125520216275	Lương Như	Bộ	16/03/94	K48TĐH.03	KD
8	304N450	K135520103097	Đỗ Văn	Hoàng	16/02/95	K49KC.02	CK
9	304N450	DTK1151030218	Dương Ngọc	Tùng	18/01/93	K47ĐĐK.02	DT
10	304N450	K125520216207	Đặng Huy	Tú	26/02/94	K49ĐKT.03	KD
11	304N450	K125520201071	Vi Văn	Đạt	19/11/94	K48HTĐ.01	KD
12	304N450	DTK1151020097	Hồ Việt	Phương	2/10/1993	K47TBĐ.01	KD
13	304N450	K125520207025	Hoàng Văn	Sim	28/01/94	K48ĐVT.01	DT
14	304N450	K135140214008	Tạ Thị	Huệ	5/7/1995	K49SK.01	SP
15	304N450	DTK1151030105	Diệp Thị	Thanh	8/9/1993	K47ĐĐK.01	CK
1	304N451	K135520201102	Dương Thị	Nguyệt	18/08/94	K49ĐĐT.02	KD
2	304N451	K135520201113	Hà Thị	Thu	1/2/1995	K49ĐĐT.02	KD
3	304N451	K135520201209	Ngô Thị	Hương	10/7/1995	K49ĐĐT.04	KD
4	304N451	K135520201233	Trần Thị	Phượng	12/1/1995	K49ĐĐT.04	KD
5	304N451	K135520201232	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	2/1/1995	K49ĐĐT.04	KD
6	304N451	K135520216314	Nguyễn Tuấn	Hiệp	13/07/95	K49ĐKT.04	KD
7	304N451	K135520216259	Ngụy Văn	Tân	10/12/1995	K49ĐKT.04	KD
8	304N451	K135140214075	Nguyễn Thị	Yến	13/11/94	K49SK.01	SP
9	304N451	K125520216074	Nguyễn Lâm	Tuấn	25/12/94	K48TĐH.03	KD
10	304N451	K125520216300	Nguyễn Hoàng	Hiệp	1/9/1993	K48TĐH.03	KD
11	304N451	K135520201087	Diệp Văn	Hùng	9/8/1995	K49ĐĐT.02	KD
12	304N451	K135520201074	Hoàng Anh	Chiến	19/05/95	K49ĐĐT.02	KD
13	304N451	K135140214020	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	20/11/94	K49SK.01	SP
14	304N451	K135520201196	Tẩn Kim	Bình	19/06/95	K49ĐĐT.04	KD
15	304N451	DTK1151020471	Lý Xuân	Trường	6/6/1993	K48TĐH.02	KD
1	304N452	K135520216032	Lục Thị	Lanh	28/10/95	K49ĐKT.01	KD
2	304N452	K125520201045	Thào A	Su	12/3/1994	K48KTĐ.01	KD
3	304N452	DTK1151020108	Dương Quý	Tùng	1/9/1993	K47HTĐ.01	KD
4	304N452	K135520201271	Phạm Thị	Hằng	13/03/94	K49ĐĐT.05	KD
5	304N452	K135520216017	Nguyễn Mạnh	Hùng	2/9/1995	K49ĐKT.01	KD
6	304N452	K135520201160	Nguyễn Thị	Ly	20/08/95	K49ĐĐT.03	KD
7	304N452	DTK0951020406	Nguyễn Văn	Thắng	23/10/90	K46TĐH.03	KD
8	304N452	K135520201240	Nguyễn Huy	Thắng	18/11/95	K49ĐĐT.04	KD
9	304N452	K135520201042	Nguyễn Xuân	Minh	14/08/95	K49ĐĐT.01	KD
10	304N452	K125520216211	Phùng Mạnh	Tuấn	12/4/1994	K48TĐH.02	KD
11	304N452	K135520201319	Trần Văn	Xếp	17/07/95	K49ĐĐT.05	KD
12	304N452	K135520201255	Hoàng Trọng	Vinh	17/09/94	K49ĐĐT.04	KD
13	304N452	K135520216159	Hoàng Văn	Nghĩa	13/10/95	K49ĐKT.03	KD
14	304N452	K135520103066	Trịnh Xuân	Tuấn	17/08/95	K49KC.01	CK

STT	Mã nhóm	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa
15	304N452	DTK1151030066	Lương Minh	Anh	21/05/93	K47KMT.01	DT
1	304N453	DTK1151020254	Lê Văn	Hoàng	24/06/93	K47TĐH.04	KD
2	304N453	DTK1151020351	Nguyễn Tuấn	Anh	30/12/93	K47HTĐ.01	KD
3	304N453	DTK1151020270	Nguyễn Văn	Quý	9/11/1993	K47TĐH.04	KD
4	304N453	DTK1151020134	Lưu Sỹ	Huấn	15/09/92	K47TBĐ.01	KD
5	304N453	K135520216053	Phạm Huyền	Trang	13/11/95	K49ĐKT.01	KD
6	304N453	K125520201040	Phổng Chàn	Phin	20/04/94	K48KTĐ.01	KD
7	304N453	DTK1051010912	Bùi Xuân	Nghĩa	29/04/92	K47CCM.01	CK
8	304N453	K135520201153	Nguyễn Minh	Hoàng	29/01/93	K49ĐĐT.03	KD
9	304N453	K135520216219	Lê Quang	Hùng	19/05/95	K49ĐKT.04	KD
10	304N453	K125520216144	Bùi Văn	Ninh	27/06/93	K48TĐH.01	KD
11	304N453	K135520216238	Đỗ Văn	Lợi	13/03/95	K49ĐKT.04	KD
12	304N453	K135520201316	Nguyễn Thị	Trang	4/8/1995	K49ĐĐT.05	KD
13	304N453	K135520201230	Bùi Thị Bích	Ngọc	4/11/1994	K49ĐĐT.04	KD
14	304N453	K135520201307	Đồng Phúc	Thế	7/9/1995	K49ĐĐT.05	KD
15	304N453	K135520201046	Ngô Văn	Quảng	19/03/94	K49ĐĐT.01	KD
1	304F450	K125520201165	Trần Thị Thanh	Dịu	20/08/94	K48KTĐ.01	KD
2	304F450	DTK1151020134	Lưu Sỹ	Huấn	15/09/92	K47TBĐ.01	KD
3	304F450	K125520201045	Thào A	Su	12/3/1994	K48KTĐ.01	KD
4	304F450	K125520216079	Nguyễn Đắc	Yên	9/1/1994	K48TĐH.03	KD
5	304F450	K135520201313	Hoàng Đình	Tiến	2/5/1995	K49ĐĐT.05	KD
6	304F450	K135520201316	Nguyễn Thị	Trang	4/8/1995	K49ĐĐT.05	KD
7	304F450	K135520201230	Bùi Thị Bích	Ngọc	4/11/1994	K49ĐĐT.04	KD
8	304F450	K135520201093	Vũ Văn	Hoàng	24/07/95	K49ĐĐT.02	KD
9	304F450	K135520216238	Đỗ Văn	Lợi	13/03/95	K49ĐKT.04	KD
10	304F450	DTK0951020406	Nguyễn Văn	Thắng	23/10/90	K46TĐH.03	KD
11	304F450	DTK1151020296	Hoàng Năng	Dương	4/3/1993	K47TĐH.04	KD
12	304F450	DTK1151020471	Lý Xuân	Trường	6/6/1993	K48TĐH.02	KD
13	304F450	DTK1051020021	Nguyễn Văn	Hải	15/01/91	K47HTĐ.01	KD
14	304F450	DTK0951030086	Lê Xuân	Dương	24/03/91	K47ĐVT.01	DT
15	304F450	K135520216219	Lê Quang	Hùng	19/05/95	K49ĐKT.04	KD
1	304F451	DTK1151020254	Lê Văn	Hoàng	24/06/93	K47TĐH.04	KD
2	304F451	DTK1151020270	Nguyễn Văn	Quý	9/11/1993	K47TĐH.04	KD
3	304F451	DTK1151020351	Nguyễn Tuấn	Anh	30/12/93	K47HTĐ.01	KD
4	304F451	DTK1051010912	Bùi Xuân	Nghĩa	29/04/92	K47CCM.01	CK
5	304F451	K135520201212	Lê Thị	Hạnh	4/1/1995	K49ĐĐT.04	KD
6	304F451	DTK1151020108	Dương Quý	Tùng	1/9/1993	K47HTĐ.01	KD
7	304F451	DTK1051020161	Nguyễn Anh	Tuấn	1/11/1992	K47TĐH.03	KD
8	304F451	K135520201227	Nguyễn Đình	Kiên	28/09/95	K49ĐĐT.04	KD
9	304F451	DTK1151020181	Nguyễn Thành	Công	14/07/93	K47TĐH.03	KD
10	304F451	DTK1151020080	Tạ Huy	Hoàng	13/12/93	K47TBĐ.01	KD
11	304F451	DTK1151020434	Nguyễn Văn	Kiêm	30/11/91	K49ĐKT.04	KD
12	304F451	DTK1151020097	Hồ Việt	Phương	2/10/1993	K47TBĐ.01	KD
13	304F451	K125520216276	Hoàng Mạnh	Cường	10/8/1994	K48ĐĐK.01	DT
14	304F451	DTK1151030105	Diệp Thị	Thành	8/9/1993	K47ĐĐK.01	CK
15	304F451	DTK1151030066	Lương Minh	Anh	21/05/93	K47KMT.01	DT
1	304F452	K135520201146	Nguyễn Thị Thu	Hường	26/11/95	K49ĐĐT.03	KD
2	304F452	K125520216115	Lê Xuân	Bình	9/10/1993	K48TĐH.01	KD
3	304F452	K135520201175	Nguyễn Văn	Thái	26/01/95	K49ĐĐT.03	KD

STT	Mã nhóm	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa
4	304F452	K135520201078	Nguyễn Phương	Đông	19/07/95	K49ĐĐT.02	KD
5	304F452	K135520216059	Đàm Quang	Vinh	5/12/1995	K49ĐKT.01	KD
6	304F452	K125520216074	Nguyễn Lâm	Tuấn	25/12/94	K48TĐH.03	KD
7	304F452	K135520216143	Chu Mạnh	Hùng	2/12/1994	K49ĐKT.03	KD
8	304F452	K125520207025	Hoàng Văn	Sim	28/01/94	K48ĐVT.01	DT
9	304F452	K125520207027	Nguyễn Tiến	Thành	10/10/1994	K48ĐVT.01	DT
10	304F452	K135140214075	Nguyễn Thị	Yến	13/11/94	K49SK.01	SP
11	304F452	DTK1151030131	Nguyễn Trí	Hiếu	1/4/1993	K47KĐT.01	DT
12	304F452	DTK1151010261	Nguyễn Sĩ	Tùng	30/09/91	K47CĐT.01	CK
13	304F452	DTK0851020486	Hoàng Văn	Hà	2/3/1987	K45TĐH.09	KD
14	304F452	DTK0951020188	Trần Văn	Quyết	17/11/91	K45TĐH.04	KD
15	304F452	DTK1151010173	Nguyễn Phương	Duy	19/02/93	K47CCM.01	CK
1	304F453	K125520216048	Nguyễn Thành	Nam	7/11/1994	K48TĐH.02	KD
2	304F453	K125520216023	Lưu Trung	Hưng	12/11/1994	K48TĐH.02	KD
3	304F453	K135520201065	Nguyễn Tuấn	Anh	12/11/1995	K49ĐĐT.02	KD
4	304F453	K135520207057	Dương Thị	Diệp	19/06/95	K49ĐTT.02	DT
5	304F453	K135520207134	Nguyễn Thị	Trà	25/03/95	K49ĐTT.01	DT
6	304F453	K125520201047	Trương Thị	Thơm	9/11/1993	K48HTĐ.01	KD
7	304F453	K125520201131	Đặng Văn	Tuấn	17/01/94	K48HTĐ.01	KD
8	304F453	K135140214008	Tạ Thị	Huệ	5/7/1995	K49SK.01	SP
9	304F453	DTK1151030218	Dương Ngọc	Tùng	18/01/93	K47ĐĐK.02	DT
10	304F453	DTK1151020348	Bùi Trọng	Vinh	10/5/1992	K48TĐH.02	KD
11	304F453	DTK1151010208	Đặng Văn	Tú	9/12/1991	K47CĐT.01	CK
12	304F453	DTK1151020274	Đàm Nhật	Tân	20/09/93	K48TĐH.02	KD
13	304F453	DTK1151020258	Nguyễn Trí	Kiên	19/08/93	K47KTĐ.01	KD
1	304T450	K135520201182	Nông Thị	Thoa	5/3/1995	K49ĐĐT.03	KD
2	304T450	K135520201180	Đỗ Thị	Thanh	15/02/95	K49ĐĐT.03	KD
3	304T450	K135520216310	Ngô Thị	Hải	26/02/95	K49ĐKT.04	KD
4	304T450	K135520216197	Nguyễn Thị	Bình	13/12/95	K49ĐKT.04	KD
5	304T450	DTK1151020254	Lê Văn	Hoàng	24/06/93	K47TĐH.04	KD
6	304T450	DTK1151020270	Nguyễn Văn	Quý	9/11/1993	K47TĐH.04	KD
7	304T450	DTK1151020351	Nguyễn Tuấn	Anh	30/12/93	K47HTĐ.01	KD
8	304T450	K135520201247	Nguyễn Văn	Toàn	29/03/95	K49ĐĐT.04	KD
9	304T450	K135520201257	Dương Kỳ	Anh	13/11/95	K49ĐĐT.05	KD
10	304T450	K135520201253	Nguyễn Thị Hồng	Vân	6/4/1995	K49ĐĐT.04	KD
11	304T450	K135520201209	Ngô Thị	Hương	10/7/1995	K49ĐĐT.04	KD
12	304T450	K135520201233	Trần Thị	Phượng	12/1/1995	K49ĐĐT.04	KD
13	304T450	K135520216052	Hoàng Vĩnh	Tọa	18/01/95	K49ĐKT.01	KD
14	304T450	K135520201232	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	2/1/1995	K49ĐĐT.04	KD
15	304T450	DTK1051010912	Bùi Xuân	Nghĩa	29/04/92	K47CCM.01	CK
1	304T451	K135520216032	Lục Thị	Lanh	28/10/95	K49ĐKT.01	KD
2	304T451	K135520216133	Nguyễn Văn	Đông	26/03/95	K49ĐKT.03	KD
3	304T451	K135520207015	Trần Văn	Hạnh	22/03/93	K49ĐTT.01	DT
4	304T451	K135520216053	Phạm Huyền	Trang	13/11/95	K49ĐKT.01	KD
5	304T451	K135520201146	Nguyễn Thị Thu	Hường	26/11/95	K49ĐĐT.03	KD
6	304T451	K135520201161	Nguyễn Phúc	Minh	11/1/1995	K49ĐĐT.03	KD
7	304T451	K135520201153	Nguyễn Minh	Hoàng	29/01/93	K49ĐĐT.03	KD
8	304T451	K135520201321	Nguyễn Công	Danh	29/05/95	K49ĐĐT.01	KD
9	304T451	K135520201046	Ngô Văn	Quảng	19/03/94	K49ĐĐT.01	KD

STT	Mã nhóm	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa
10	304T451	K135520216219	Lê Quang	Hùng	19/05/95	K49ĐKT.04	KD
11	304T451	DTK1151030129	Phùng Đức	Hạnh	14/07/93	K47KĐT.01	DT
12	304T451	K135520216238	Đỗ Văn	Lợi	13/03/95	K49ĐKT.04	KD
13	304T451	K135520201230	Bùi Thị Bích	Ngọc	4/11/1994	K49ĐĐT.04	KD
14	304T451	K135520201316	Nguyễn Thị	Trang	4/8/1995	K49ĐĐT.05	KD
15	304T451	DTK1051020021	Nguyễn Văn	Hải	15/01/91	K47HTĐ.01	KD
1	304T452	DTK1151020134	Lưu Sỹ	Huấn	15/09/92	K47TBĐ.01	KD
2	304T452	K135520201085	Trần Thị	Hải	18/10/95	K49ĐĐT.02	KD
3	304T452	K135520201116	Hoàng Gia	Tùng	25/02/95	K49ĐĐT.02	KD
4	304T452	K135520201006	Trần Văn	Chữ	14/01/95	K49ĐĐT.01	KD
5	304T452	K135520201010	Nguyễn Văn	Danh	21/11/95	K49ĐĐT.01	KD
6	304T452	K135520201065	Nguyễn Tuấn	Anh	12/11/1995	K49ĐĐT.02	KD
7	304T452	K135520201307	Đồng Phúc	Thế	7/9/1995	K49ĐĐT.05	KD
8	304T452	K135520201193	Nguyễn Danh Tuấn	Anh	5/12/1995	K49ĐĐT.04	KD
9	304T452	K135520201196	Tẩn Kim	Bình	19/06/95	K49ĐĐT.04	KD
10	304T452	K125520216207	Đặng Huy	Tú	26/02/94	K49ĐKT.03	KD
11	304T452	K135520216145	Trần Thị	Hiền	11/8/1995	K49ĐKT.03	KD
12	304T452	K135520216047	Nguyễn Chí	Thành	23/01/95	K49ĐKT.01	KD
13	304T452	K135520216171	La Thị	Thủy	17/02/95	K49ĐKT.03	KD
14	304T452	K125520207009	Nguyễn Xuân	Hà	9/5/1994	K48KĐT.01	DT
15	304T452	K125520216276	Hoàng Mạnh	Cường	10/8/1994	K48ĐĐK.01	DT
1	304T453	K125520216121	Nguyễn Văn	Chí	21/02/94	K48TĐH.01	KD
2	304T453	K125520214002	Nguyễn Viết	Chinh	6/3/1994	K48KĐT.01	DT
3	304T453	K125520216115	Lê Xuân	Bình	9/10/1993	K48TĐH.01	KD
4	304T453	K135520201175	Nguyễn Văn	Thái	26/01/95	K49ĐĐT.03	KD
5	304T453	K135520216059	Đàm Quang	Vinh	5/12/1995	K49ĐKT.01	KD
6	304T453	K135520201078	Nguyễn Phương	Đông	19/07/95	K49ĐĐT.02	KD
7	304T453	K135520216314	Nguyễn Tuấn	Hiệp	13/07/95	K49ĐKT.04	KD
8	304T453	K135140214075	Nguyễn Thị	Yến	13/11/94	K49SK.01	SP
9	304T453	K135520216259	Ngụy Văn	Tân	10/12/1995	K49ĐKT.04	KD
10	304T453	K135520201227	Nguyễn Đình	Kiên	28/09/95	K49ĐĐT.04	KD
11	304T453	DTK1051020636	Đỗ Minh	Hoàng	4/11/1987	K47HTĐ.01	KD
12	304T453	K135520207077	Phùng Thị	Miên	17/09/95	K49ĐTT.02	DT
13	304T453	K135520201240	Nguyễn Huy	Thắng	18/11/95	K49ĐĐT.04	KD
14	304T453	K135520201042	Nguyễn Xuân	Minh	14/08/95	K49ĐĐT.01	KD
15	304T453	K135520207089	Nguyễn Thu	Thảo	8/7/1995	K49ĐTT.02	DT
1	304T454	K135520216219	Lê Quang	Hùng	19/05/95	K49ĐKT.04	KD
2	304T454	K135520201271	Phạm Thị	Hằng	13/03/94	K49ĐĐT.05	KD
3	304T454	K135520201160	Nguyễn Thị	Ly	20/08/95	K49ĐĐT.03	KD
4	304T454	K135520216017	Nguyễn Mạnh	Hùng	2/9/1995	K49ĐKT.01	KD
5	304T454	K135520201319	Trần Văn	Xếp	17/07/95	K49ĐĐT.05	KD
6	304T454	K135520201255	Hoàng Trọng	Vinh	17/09/94	K49ĐĐT.04	KD
7	304T454	CPC095013	Kanhchana	Vuth	12/1/1990	K48ĐĐK.01	DT
8	304T454	CPC115009	Sieng	Sathavireak	21/12/91	K48TĐH.01	KD
9	304T454	CPC115004	Bora	Rithireak	28/11/93	K49ĐTT.01	DT
10	304T454	K125520216276	Hoàng Mạnh	Cường	10/8/1994	K48ĐĐK.01	DT
11	304T454	K135520103066	Trịnh Xuân	Tuấn	17/08/95	K49KC.01	CK
12	304T454	DTK1151010386	Phạm Duy	Cường	2/8/1992	K48KCK.01	CK
13	304T454	DTK1151010261	Nguyễn Sĩ	Tùng	30/09/91	K47CĐT.01	CK

STT	Mã nhóm	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa
14	304T454	DTK1151030066	Lương Minh	Anh	21/05/93	K47KMT.01	DT
15	304T454	DTK1151030131	Nguyễn Trí	Hiếu	1/4/1993	K47KĐT.01	DT
1	304T455	K135520201041	Trần Thị Ngọc	Mai	6/5/1995	K49ĐĐT.01	KD
2	304T455	K135520201033	Phạm Duy	Khánh	8/1/1995	K49ĐĐT.01	KD
3	304T455	K125520216107	Phạm Công	Đức	8/10/1994	K48TĐH.01	KD
4	304T455	K135140214074	Nguyễn Thị	Vân	10/11/1994	K49SK.01	SP
5	304T455	K135140214117	Trần Phương	Thảo	18/02/95	K49SK.01	SP
6	304T455	K135140214003	Thân Thị	Hằng	2/3/1994	K49SK.01	SP
7	304T455	K135520201306	Nguyễn Thanh	Thủy	26/07/95	K49ĐĐT.05	KD
8	304T455	K135520201154	Nông Thị Khánh	Hòa	24/07/95	K49ĐĐT.03	KD
9	304T455	K135520201302	Nguyễn Việt	Thái	14/04/95	K49ĐĐT.05	KD
10	304T455	K125520201039	Vũ Duy	Phương	30/11/94	K49ĐĐT.01	KD
11	304T455	K135520216211	Nguyễn Thị Mai	Hương	1/3/1994	K49ĐKT.04	KD
12	304T455	K135140214008	Tạ Thị	Huệ	5/7/1995	K49SK.01	SP
13	304T455	K135520207074	Ngô Thị	Lành	14/11/95	K49ĐTT.02	DT
14	304T455	DTK1151020177	Nguyễn Trung	Đức	5/2/1993	K47HTĐ.01	KD
15	304T455	DTK1151010208	Đặng Văn	Tú	9/12/1991	K47CĐT.01	CK
1	304B450	K135520201175	Nguyễn Văn	Thái	26/01/95	K49ĐĐT.03	KD
2	304B450	K135520201078	Nguyễn Phương	Đông	19/07/95	K49ĐĐT.02	KD
3	304B450	K135520216059	Đàm Quang	Vinh	5/12/1995	K49ĐKT.01	KD
4	304B450	K135140214075	Nguyễn Thị	Yến	13/11/94	K49SK.01	SP
5	304B450	DTK1151020108	Dương Quý	Tùng	1/9/1993	K47HTĐ.01	KD
6	304B450	K125520216080	Vũ Thị Hoài	Thu	13/09/94	K48TĐH.03	KD
7	304B450	K135140214037	Nguyễn Thị	Hường	24/04/95	K49SK.01	SP
8	304B450	K135140214121	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	10/9/1995	K49SK.01	SP
9	304B450	K125520216144	Bùi Văn	Ninh	27/06/93	K48TĐH.01	KD
10	304B450	K135520216159	Hoàng Văn	Nghĩa	13/10/95	K49ĐKT.03	KD
11	304B450	K135520216143	Chu Mạnh	Hùng	2/12/1994	K49ĐKT.03	KD
12	304B450	K135520216020	Vũ Trung	Hiếu	5/5/1995	K49ĐKT.01	KD
13	304B450	DTK1051030211	Thân Văn	Việt	22/10/92	K47ĐĐK.02	DT
14	304B450	DTK0851020486	Hoàng Văn	Hà	2/3/1987	K45TĐH.09	KD
15	304B450	LAOS115006	Souliya	Thepvongsa	14/03/94	K48TBĐ.01	KD
1	304B451	K125520216049	Phạm Thành	Nam	19/06/94	K48TĐH.03	KD
2	304B451	K125520201057	Nguyễn Tuấn	Toàn	11/6/1994	K48KTĐ.01	KD
3	304B451	K125520201045	Thào A	Su	12/3/1994	K48KTĐ.01	KD
4	304B451	DTK1151020134	Lưu Sỹ	Huấn	15/09/92	K47TBĐ.01	KD
5	304B451	K135520201098	Dương Văn	Linh	22/09/95	K49ĐĐT.02	KD
6	304B451	K135520201055	Nguyễn Hà Khánh	Thiện	16/09/95	K49ĐĐT.01	KD
7	304B451	K135520201065	Nguyễn Tuấn	Anh	12/11/1995	K49ĐĐT.02	KD
8	304B451	DTK0951020406	Nguyễn Văn	Thắng	23/10/90	K46TĐH.03	KD
9	304B451	DTK0951060129	Nguyễn Văn	Quyết	6/10/1991	K46SKT.01	SP
10	304B451	K125520201053	Dương Thanh	Tùng	15/07/94	K48TBĐ.01	KD
11	304B451	K125520207025	Hoàng Văn	Sim	28/01/94	K48ĐVT.01	DT
12	304B451	K135140214008	Tạ Thị	Huệ	5/7/1995	K49SK.01	SP
13	304B451	K135140214067	Hoàng Ngọc	Tiến	13/02/95	K49SK.01	SP
14	304B451	DTK1151010261	Nguyễn Sĩ	Tùng	30/09/91	K47CĐT.01	CK
15	304B451	DTK1151010714	Nguyễn Đình	Mạnh	19/05/93	K47KCK.01	CK
1	304B452	DTK1151020254	Lê Văn	Hoàng	24/06/93	K47TĐH.04	KD
2	304B452	DTK1151020270	Nguyễn Văn	Quý	9/11/1993	K47TĐH.04	KD

STT	Mã nhóm	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa
3	304B452	DTK1151020351	Nguyễn Tuấn	Anh	30/12/93	K47HTĐ.01	KD
4	304B452	K125520214002	Nguyễn Viết	Chinh	6/3/1994	K48KĐT.01	DT
5	304B452	DTK1051010912	Bùi Xuân	Nghĩa	29/04/92	K47CCM.01	CK
6	304B452	K135520201227	Nguyễn Đình	Kiên	28/09/95	K49ĐĐT.04	KD
7	304B452	K135520216219	Lê Quang	Hùng	19/05/95	K49ĐKT.04	KD
8	304B452	K135520216238	Đỗ Văn	Lợi	13/03/95	K49ĐKT.04	KD
9	304B452	K135520201316	Nguyễn Thị	Trang	4/8/1995	K49ĐĐT.05	KD
10	304B452	K135520201230	Bùi Thị Bích	Ngọc	4/11/1994	K49ĐĐT.04	KD
11	304B452	K135520201087	Diệp Văn	Hùng	9/8/1995	K49ĐĐT.02	KD
12	304B452	K135520201074	Hoàng Anh	Chiến	19/05/95	K49ĐĐT.02	KD
13	304B452	DTK1151020471	Lý Xuân	Trường	6/6/1993	K48TĐH.02	KD
14	304B452	DTK1051020021	Nguyễn Văn	Hải	15/01/91	K47HTĐ.01	KD
15	304B452	DTK1151020097	Hồ Việt	Phương	2/10/1993	K47TBĐ.01	KD
1	304H450	DTK1151020254	Lê Văn	Hoàng	24/06/93	K47TĐH.04	KD
2	304H450	DTK1151020351	Nguyễn Tuấn	Anh	30/12/93	K47HTĐ.01	KD
3	304H450	DTK1151020270	Nguyễn Văn	Quý	9/11/1993	K47TĐH.04	KD
4	304H450	DTK1151020258	Nguyễn Trí	Kiên	19/08/93	K47KTĐ.01	KD
5	304H450	DTK1151020274	Đàm Nhật	Tân	20/09/93	K48TĐH.02	KD
6	304H450	K125520216049	Phạm Thành	Nam	19/06/94	K48TĐH.03	KD
7	304H450	K125520216023	Lưu Trung	Hưng	12/11/1994	K48TĐH.02	KD
8	304H450	K125520216032	Phạm Duy	Khánh	27/10/94	K49ĐKT.01	KD
9	304H450	K135520216304	Nguyễn Văn	Duy	15/07/95	K49ĐKT.04	KD
10	304H450	DTK1051030211	Thân Văn	Việt	22/10/92	K47ĐĐK.02	DT
11	304H450	DTK0851020486	Hoàng Văn	Hà	2/3/1987	K45TĐH.09	KD
12	304H450	LAOS115005	Alavin	Philavong	6/5/1993	K49ĐĐT.03	KD
13	304H450	K135520207057	Dương Thị	Diệp	19/06/95	K49ĐTT.02	DT
14	304H450	K135520207134	Nguyễn Thị	Trà	25/03/95	K49ĐTT.01	DT
1	304H451	K125520216212	Hoàng Đăng	Vượng	18/05/93	K48TĐH.02	KD
2	304H451	K125520216211	Phùng Mạnh	Tuấn	12/4/1994	K48TĐH.02	KD
3	304H451	K135520201078	Nguyễn Phương	Đông	19/07/95	K49ĐĐT.02	KD
4	304H451	K135520216059	Đàm Quang	Vinh	5/12/1995	K49ĐKT.01	KD
5	304H451	K135520207089	Nguyễn Thu	Thảo	8/7/1995	K49ĐTT.02	DT
6	304H451	K125520216144	Bùi Văn	Ninh	27/06/93	K48TĐH.01	KD
7	304H451	K135520216159	Hoàng Văn	Nghĩa	13/10/95	K49ĐKT.03	KD
8	304H451	K135520201319	Trần Văn	Xếp	17/07/95	K49ĐĐT.05	KD
9	304H451	K135520201255	Hoàng Trọng	Vinh	17/09/94	K49ĐĐT.04	KD
10	304H451	K135520201137	Thân Nhân	Cường	25/08/95	K49ĐĐT.03	KD
11	304H451	K135520216171	La Thị	Thủy	17/02/95	K49ĐKT.03	KD
12	304H451	K135520216159	Hoàng Văn	Nghĩa	13/10/95	K49ĐKT.03	KD
13	304H451	DTK1151030218	Dương Ngọc	Tùng	18/01/93	K47ĐĐK.02	DT
1	304H453	K135520216032	Lục Thị	Lanh	28/10/95	K49ĐKT.01	KD
2	304H453	K135520216133	Nguyễn Văn	Đông	26/03/95	K49ĐKT.03	KD
3	304H453	K135520216052	Hoàng Vĩnh	Tọa	18/01/95	K49ĐKT.01	KD
4	304H453	DTK1151020108	Dương Quý	Tùng	1/9/1993	K47HTĐ.01	KD
5	304H453	K135520201271	Phạm Thị	Hằng	13/03/94	K49ĐĐT.05	KD
6	304H453	K135520216017	Nguyễn Mạnh	Hùng	2/9/1995	K49ĐKT.01	KD
7	304H453	K135520201160	Nguyễn Thị	Ly	20/08/95	K49ĐĐT.03	KD
8	304H453	DTK0951020406	Nguyễn Văn	Thắng	23/10/90	K46TĐH.03	KD
9	304H453	K135520201193	Nguyễn Danh Tuấn	Anh	5/12/1995	K49ĐĐT.04	KD

STT	Mã nhóm	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa
10	304H453	K135520201250	Đặng Văn	Tuấn	16/02/94	K49ĐĐT.04	KD
11	304H453	K125520207025	Hoàng Văn	Sim	28/01/94	K48ĐVT.01	DT
12	304H453	DTK1151020471	Lý Xuân	Trường	6/6/1993	K48TĐH.02	KD
13	304H453	DTK1051020021	Nguyễn Văn	Hải	15/01/91	K47HTĐ.01	KD
14	304H453	DTK1151030131	Nguyễn Trí	Hiếu	1/4/1993	K47KĐT.01	DT

Tổng số: 20 nhóm